

Giá trị tiên bộ trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế đương đại

Hoàng Khắc Nam^(*)

Tóm tắt: Một trong những ý nghĩa lớn của lý thuyết là các giá trị mà chúng đem lại cho thực tiễn. Trong các lý thuyết quan hệ quốc tế, các giá trị nổi bật nhất hiện diện ngày càng sâu rộng trong đời sống quốc gia và quốc tế chính là hòa bình, tôn trọng chủ quyền quốc gia, dân chủ và quan tâm đến con người. Bài viết xem xét các giá trị này trong một số lý thuyết quan hệ quốc tế đương đại để cho thấy rõ nhận định trên.

Từ khóa: Quan hệ quốc tế, Quan hệ quốc tế đương đại, Giá trị tiên bộ, Lý thuyết

Abstract: Theories are of great significance partly because of the values they bring to practice. In international relations theories, the most prominent values that are increasingly present in national and international life are peace, respect for national sovereignty, democracy and concern for human beings. The article examines these values in some contemporary international relations theories to clarify the above statement.

Keywords: International Relations, Contemporary International Relations, Progressive Values, Theory

Ngày nhận bài: 23/2/2025; Ngày duyệt đăng: 15/3/2025

1. Mở đầu

Tất cả các lý thuyết lớn, có quá trình lâu dài và ảnh hưởng nhiều trong đời sống, đều gắn liền với thực tiễn. Chúng ra đời nhằm đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn. Chúng được hình thành dựa trên sự khái quát hóa thực tiễn, phát triển cùng sự vận động của thực tiễn. Không gắn liền với thực tiễn, các lý thuyết khó có thể tồn tại, phát triển và có ảnh hưởng lâu dài.

Một trong những ý nghĩa lớn của lý thuyết là các giá trị mà chúng đem lại cho thực tiễn. Giá trị là quan niệm phổ biến về những gì là đúng sai, tốt xấu. Giá trị có ảnh hưởng nhiều tới sự lựa chọn và hành vi.

Trong quan hệ quốc tế (QHQT), các giá trị này được định hình theo hai con đường: lý thuyết hóa thực tiễn và thực tiễn hóa lý thuyết. Trong đó, lý thuyết hóa thực tiễn là quá trình vận dụng và phổ biến những ý tưởng của lý thuyết thành các giá trị trong thực tiễn. Còn thực tiễn hóa lý thuyết là quá trình nghiên cứu thực tiễn để đúc rút và phát triển lý luận nhằm đáp ứng các yêu cầu của đời sống. Trong cả hai con đường, lý thuyết và thực tiễn đều có sự thúc đẩy lẫn nhau, qua đó, các giá trị ngày càng thêm phong phú và phổ biến hơn trong đời sống. Trong lĩnh vực QHQT nói chung, chính trị quốc tế nói riêng, cũng diễn ra xu hướng như vậy. Trong các lý thuyết QHQT, các giá trị nổi bật nhất chính là hòa bình, tôn trọng chủ quyền quốc gia, dân chủ và quan tâm đến con người.

^(*)GS.TS., Đại học Quốc gia Hà Nội;
Email: hknam84@yahoo.com

2. Hòa bình

Chiến tranh diễn ra hết sức phổ biến trong lịch sử nhân loại là nguyên nhân lớn thúc đẩy sự ra đời của các lý thuyết QHQT. Chiến tranh diễn ra chủ yếu trong QHQT với xu hướng ngày càng mở rộng về quy mô và mức độ, càng đòi hỏi các lý thuyết đó quan tâm tới chủ đề này. Ba lý thuyết lớn nhất trong lĩnh vực QHQT là Chủ nghĩa hiện thực, Chủ nghĩa tự do và Chủ nghĩa kiến tạo đều chú trọng đến vấn đề chiến tranh và hòa bình. Tuy nhiên, mỗi lý thuyết lại có cách tiếp cận khác nhau với những luận điểm khác nhau về cách thức đạt được hòa bình.

Chủ nghĩa hiện thực quan tâm nhiều tới việc giải thích nguyên nhân chiến tranh. Theo lý thuyết này, sống trong môi trường quốc tế vô chính phủ, quốc gia chỉ có thể dựa vào sức mạnh/quyền lực để bảo đảm sự tồn vong của mình. Vì thế, các quốc gia đều tìm cách gia tăng sức mạnh/quyền lực của mình, nhất là sức mạnh quân sự để bảo đảm an ninh quốc gia. Do quan hệ quyền lực có tổng số bằng 0 nên tình trạng cạnh tranh quyền lực tồn tại thường xuyên trong QHQT và chiến tranh dễ xảy ra trong bối cảnh đó. Mặc dù vậy, Chủ nghĩa hiện thực không hoàn toàn cổ vũ chiến tranh. Trong lý thuyết này, có ít nhất 5 luồng quan điểm lớn hướng tới hòa bình.

Một là, quan điểm thừa nhận xung đột trong QHQT là không tránh khỏi nhưng xung đột không tất yếu dẫn đến chiến tranh. Quan điểm này góp phần thúc đẩy sự ra đời của nhiều cách thức ngăn chặn xung đột leo thang thành chiến tranh như quản lý xung đột, ngoại giao phòng ngừa,...

Hai là, mặc dù đề cao việc phải có sức mạnh/quyền lực vượt trội để đảm bảo an ninh nhưng ưu thế này còn được quan niệm là để răn đe nước khác gây chiến với mình, tức là cũng góp phần ngăn chặn chiến tranh.

Ba là, đối với những nước yếu hơn, Chủ nghĩa hiện thực đề ra chủ trương cân bằng sức mạnh theo hai cách là cân bằng bên trong (phát triển năng lực của mình) và cân bằng bên ngoài (liên minh). Theo đó, cân bằng sức mạnh sẽ khiến các bên không dám gây chiến khi không chắc thắng. Từ đó, cân bằng sức mạnh được coi là cách thức quan trọng để bảo đảm an ninh, duy trì hòa bình.

Bốn là, lý thuyết này có một nhánh là Chủ nghĩa hiện thực phòng thủ với quan niệm cần phát triển năng lực phòng thủ chứ không phải năng lực tấn công. Điều này sẽ giúp làm giảm sự đe dọa nước khác, hạn chế bớt chạy đua vũ trang, giúp thoát khỏi tình trạng lưỡng nan an ninh và không kích thích các nước gây chiến.

Năm là, Chủ nghĩa hiện thực mới đề cao vai trò của cấu trúc quốc tế đối với QHQT. Các học giả đã chỉ ra, trong hệ thống quốc tế dù một cực, hai cực hay đa cực thì đều có những tác động cấu trúc có thể giúp ngăn chặn chiến tranh¹.

Chủ nghĩa tự do chủ yếu là do các học giả đề xướng nên cũng quan tâm nhiều hơn đến các giá trị tiến bộ. Lý thuyết này hướng tới hòa bình rõ rệt khi cho rằng các đích cuối cùng của sự phát triển QHQT sẽ là nền hòa bình vĩnh viễn. Không bác bỏ nguyên nhân chiến tranh từ góc nhìn của Chủ nghĩa hiện thực, lý thuyết này thiên về việc đề ra nhiều cách thức khác nhau để bảo đảm hòa bình.

Một là, đề cao sự tự do của nhân dân như quan điểm của nhà triết học Immanuel Kant (2003). Theo đó, sự tự do của nhân dân sẽ dẫn đến hình thành các nền cộng hòa và nhà nước dân chủ. Trong mô hình này, ý nguyện hòa bình của nhân dân sẽ được thể hiện ra chính sách đối ngoại. Theo Kant,

¹ Xem thêm: Về khả năng ngăn chặn chiến tranh của cấu trúc quốc tế (Hoàng Khắc Nam, 2007b).

khi nhân dân trên thế giới đều có tự do, tất cả các chính phủ đều sẽ thi hành chính sách đối ngoại vì hòa bình. Khi đó, thế giới sẽ đạt được nền hòa bình vĩnh viễn.

Hai là, để khắc phục tình trạng vô chính phủ quốc tế, vốn được coi là môi trường dung dưỡng cho xung đột và chiến tranh, cần xây dựng tổ chức quốc tế quy tụ các quốc gia để hạn chế tình trạng này và áp dụng nguyên tắc an ninh tập thể để ngăn chặn chiến tranh. Đây chính là quan điểm của Chủ nghĩa lý tưởng - một nhánh của Chủ nghĩa tự do vốn thịnh hành trong nửa đầu thế kỷ XX. Là người đi theo lý thuyết này, Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson đã đưa ra sáng kiến thành lập Hội Quốc Liên - tiền thân của Liên Hợp Quốc ngày nay và nguyên tắc an ninh tập thể đều được áp dụng trong hai tổ chức này.

Ba là, thúc đẩy hợp tác quốc tế với quan điểm hợp tác tăng thì xung đột quốc tế sẽ giảm dần. Diễn hình của quan điểm này là nhánh Chủ nghĩa Chức năng (gồm cả cổ điển và mới) của Chủ nghĩa tự do. Trường phái này ưu tiên hợp tác kinh tế - xã hội và cho rằng sự phát triển các mối hợp tác kinh tế - xã hội xuyên quốc gia sẽ tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác trong an ninh - chính trị. Hợp tác tăng sẽ dẫn đến hội nhập quốc tế. Hội nhập tăng sẽ làm gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Trong bối cảnh đó, xung đột sẽ dễ quản lý hơn và chiến tranh sẽ khó xảy ra hơn.

Bốn là, phát triển thể chế quốc tế bao gồm luật pháp quốc tế và tổ chức quốc tế. Xây dựng, phổ biến và hiệu lực hóa pháp luật quốc tế sẽ giúp ổn định QHQT, giảm bớt tình trạng vô chính phủ, tăng khả năng hạn chế và giải quyết xung đột quốc tế. Đây cũng chính là lý do của xu hướng xây dựng trật tự quốc tế dựa trên luật pháp hiện nay. Trong khi đó, phát triển tổ chức quốc tế có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy hợp

tác quốc tế cũng như phát triển luật pháp quốc tế. Đây là quan điểm của Chủ nghĩa tự do mới hay còn gọi là Chủ nghĩa thể chế tự do quốc tế hiện đang là trường phái có ảnh hưởng nhất trong lý thuyết này.

Bên cạnh hai lý thuyết lớn này, trong QHQT còn có thêm Chủ nghĩa kiến tạo hiện đang được coi là lý thuyết lớn thứ ba. Lý thuyết này nhấn mạnh đến bản sắc và chuẩn mực trong QHQT. Theo đó, sự phát triển tương tác giữa các quốc gia sẽ dẫn đến sự hình thành bản sắc chung và chuẩn mực chung trong QHQT. Bản sắc chung sẽ tạo điều kiện cho ý thức chung và hợp tác quốc tế. Trong khi đó, chuẩn mực phát triển sẽ đóng vai trò như một kiểu luật lệ quốc tế. Cả hai cái này sẽ dẫn đến sự hình thành cộng đồng quốc tế. Trong cộng đồng này, xung đột sẽ được kiềm chế hơn, chiến tranh sẽ khó xảy ra hơn. Vì thế, những người theo Chủ nghĩa kiến tạo gọi đó là cộng đồng an ninh.

Như vậy, cả ba lý thuyết QHQT lớn nhất, có ảnh hưởng nhiều nhất đều có sự quan tâm lớn và có hệ luận rõ ràng về hòa bình. Với sự chi phối của chúng trong giới hoạch định chính sách, giới nghiên cứu và đang ngày càng phổ biến thông qua giáo dục, giá trị hòa bình của chúng đã ảnh hưởng không nhỏ đến thực tế QHQT ngày nay. Điều này có thể dễ dàng nhận thấy qua việc tất cả các cách thức ngăn chặn chiến tranh đều đã hiện diện trong thực tiễn QHQT ngày nay; qua phong trào bảo vệ hòa bình đã phổ biến khắp thế giới trong thời kỳ hiện đại; qua việc chiến tranh, nhất là chiến tranh xâm lược đều gặp sự phản đối rộng rãi khắp thế giới. Duy trì hòa bình, phản đối chiến tranh đã trở thành giá trị trong QHQT đương đại.

3. Chủ quyền quốc gia

Quốc gia đã tồn tại từ lâu. Cùng với sự ra đời của quốc gia, ý thức về chủ quyền

quốc gia cũng được định hình. Tuy nhiên, trước kia, chủ quyền quốc gia chỉ được tự ý thức mà không được các quốc gia khác thừa nhận. Tình trạng này vẫn được tiếp tục kể cả khi chủ quyền quốc gia đã được ghi nhận về mặt pháp lý quốc tế trong Hiệp ước Westphalia năm 1648. Trong cả một quá trình lịch sử lâu dài, quan niệm phổ biến về chủ quyền quốc gia là chủ quyền tuyệt đối, tức là không hạn chế (*Unlimited Sovereignty*). Theo đó, quốc gia có quyền dùng mọi cách để bảo đảm chủ quyền, kể cả việc mở rộng chủ quyền của quốc gia, tức là có thể xâm phạm chủ quyền của nước khác. Điều này có nghĩa là không có sự tôn trọng chủ quyền quốc gia trong QHQT.

Vì thế, trong lịch sử, chủ quyền và các quyền cơ bản của quốc gia, nhất là các nước nhỏ, thường xuyên bị vi phạm nặng nề. Bất chấp thực tiễn lịch sử như vậy, trong các lý thuyết QHQT cũng đã xuất hiện những ý niệm về chủ quyền quốc gia. Có ba luồng quan điểm chính liên quan đến vấn đề này.

Một là, sự thừa nhận vai trò chủ thể QHQT của mọi quốc gia. Tất cả các lý thuyết QHQT đều thừa nhận quốc gia là chủ thể QHQT, thậm chí là chủ thể cơ bản. Khái niệm chủ thể QHQT của quốc gia bao hàm cả chủ quyền quốc gia vì không có chủ quyền thì quốc gia không phải là chủ thể QHQT. Vì thế, sự thừa nhận vai trò chủ thể QHQT cũng có thể coi như mặc định công nhận chủ quyền với tư cách là một thuộc tính gắn liền với quốc gia. Đáng chú ý, các lý thuyết QHQT đều ghi nhận vai trò chủ thể QHQT của quốc gia nói chung, tức là bao gồm cả nước lớn cũng như nước nhỏ.

Hai là, những quan điểm về quyền tự quyết dân tộc. Các quan điểm này có trong hệ quan điểm về quốc tế của Chủ nghĩa Marx-Lenin với đại biểu là V.I. Lenin. Trong “*Sơ thảo lần thứ nhất những luận*

cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa”, Lenin chủ trương ủng hộ và liên minh với phong trào độc lập dân tộc của các nước thuộc địa trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa tư bản. Quan điểm về quyền tự quyết dân tộc có cả trong Chủ nghĩa lý tưởng - một nhánh hay một giai đoạn phát triển của Chủ nghĩa tự do. Đại biểu nổi tiếng của lý thuyết này là Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson. Trong Tuyên bố 14 điểm năm 1918, ông Wilson cũng đã đưa ra đề nghị về quyền tự quyết dân tộc. Quyền tự quyết dân tộc chính là cơ sở nền tảng cho chủ quyền quốc gia.

Ba là, những quan điểm phản đối cách hiểu chủ quyền theo kiểu chủ quyền quốc gia tuyệt đối. Quan điểm về chủ quyền quốc gia tuyệt đối bị phê phán bởi được cho là cơ sở của Chủ nghĩa đế quốc và Chủ nghĩa bá quyền, là sự biện minh cho bành trướng và xâm lược. Sự phản đối này xuất phát đầu tiên từ giới học giả nghiên cứu QHQT và dần tác động sang giới hoạch định chính sách. Đến thời hiện đại, với sự ra đời của đông đảo quốc gia vừa và nhỏ, yêu cầu bình đẳng hơn trong QHQT đã dẫn đến quan niệm về chủ quyền tương đối với khái niệm chủ quyền quốc gia phân chia (*Divided Sovereignty*). Theo đó, các quốc gia phải tôn trọng chủ quyền của nhau và bình đẳng với nhau về chủ quyền.

Hiện nay, chủ quyền quốc gia phân chia đã trở thành một nguyên tắc cơ bản của Công pháp quốc tế và được khẳng định trong Hiến chương Liên Hợp Quốc (Điều 2). Đồng thời, các quyền liên quan đến chủ quyền quốc gia như độc lập dân tộc, quyền tự quyết dân tộc, quyền đảm bảo các lợi ích cơ bản là an ninh và phát triển đã hiện diện ngày càng nhiều trong thực tiễn QHQT. Chúng được quy định trong nhiều văn bản pháp lý quốc tế và được xác định thành những nguyên tắc cơ bản trong QHQT

như không can thiệp vào công việc nội bộ, bình đẳng trong quan hệ với nhau,... Cho dù những quy định và nguyên tắc này vẫn còn bị vi phạm nhưng so với trước kia thì đó vẫn là một sự phát triển lớn và là dấu ấn của thời hiện đại. Sự hiện diện phổ biến và ngày càng có hiệu lực cho thấy tôn trọng chủ quyền quốc gia đã trở thành một giá trị lớn trong QHQT ngày nay.

4. Dân chủ trong quan hệ quốc tế

Trước kia, dân chủ không hề tồn tại trong QHQT. Các nước lớn xung đột và tranh giành lợi ích với nhau trong khi cùng nhau nô dịch các nước khác. QHQT bị chi phối và điều chỉnh chủ yếu bởi quyền lực và lợi ích quốc gia. Hai yếu tố này gần như không bị kiềm chế bởi bất cứ cái gì, cả từ bên trong quốc gia lẫn từ bên ngoài môi trường quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, vẫn có những tư tưởng về dân chủ trong các lý thuyết QHQT. Các tư tưởng này đi theo hai hướng là đối nội và đối ngoại. Về đối nội, đó là luận điểm về mối liên hệ với dân chủ trong nước với QHQT. Về đối ngoại, đó là luận điểm về dân chủ giữa các quốc gia. Dưới đây là các luận điểm lý thuyết đó và sự tồn tại của chúng trong QHQT hiện nay:

Về đối nội, đó là Thuyết Hòa bình dân chủ (*Democratic Peace*). Trong phạm vi nào đó, có thể coi đây là một nhánh của Chủ nghĩa tự do. Thuyết này có phần xuất phát từ quan điểm về dân chủ của các nhà Chủ nghĩa tự do kinh điển như John Locke chẳng hạn. Immanuel Kant là người đầu tiên đưa ra quan điểm về mối liên hệ giữa tự do với hòa bình trong QHQT mà phần trước của bài viết này đã đề cập đến. Đến thời hiện đại, quan điểm này đã được nâng lên thành Thuyết Hòa bình dân chủ với sự tập trung hơn vào mô hình nhà nước dân chủ. Theo thuyết này, các nhà nước dân chủ ít gây chiến tranh hơn là các mô hình

nhà nước khác. Ý chí chiến tranh bị kiềm chế bởi sự dân chủ trong nước. Chính sách của nhà nước dân chủ phụ thuộc nhiều vào ý chí của nhân dân nên sẽ khó tiến hành chiến tranh hơn do bị kiềm chế bởi ý nguyện hòa bình của nhân dân.

Trong vài thập kỷ qua, Thuyết Hòa bình dân chủ khá thịnh hành ở phương Tây. Mặc dù thuyết này đã bộc lộ những hạn chế cả về lý luận và thực tiễn (Xem thêm: Hoàng Khắc Nam, 2007a) nhưng nó vẫn được sử dụng trong tuyên truyền cả về đối nội và đối ngoại. Về đối nội là để tranh thủ sự ủng hộ của công chúng trong nước cho những can thiệp về dân chủ ở bên ngoài. Về đối ngoại, dân chủ được sử dụng như một giá trị để tạo thêm sức mạnh mềm cho các nước phương Tây.

Về đối ngoại, dân chủ trong QHQT được thể hiện đầu tiên qua sự phản đối của Lý thuyết phê phán và Chủ nghĩa hậu hiện đại đối với vấn đề nước nhỏ trong Chủ nghĩa hiện thực và Chủ nghĩa tự do. Hai lý thuyết QHQT lớn nhất này đều bị phê phán về việc chỉ tập trung vào các nước lớn mà coi nhẹ và thậm chí bỏ qua vai trò ngày càng tăng của các nước nhỏ. Sự tập trung này được cho là bị định kiến, bóp méo thực tiễn và không phản ánh được những thay đổi trong QHQT thời hiện đại. Thậm chí, Chủ nghĩa hiện thực còn bị phê phán là có mục đích duy trì trật tự nước lớn - nước nhỏ, còn Chủ nghĩa tự do thì nhằm biện minh cho việc duy trì sự thống trị và bóc lột các nước nhỏ của chủ nghĩa tư bản. Sự phê phán này còn đến từ một số trường phái lý luận của Chủ nghĩa mác xít mới như Thuyết Phụ thuộc và Thuyết Hệ thống thế giới (hay còn được gọi là Thuyết trung tâm - ngoại vi) khi chỉ ra sự bất công trong hệ thống kinh tế quốc tế do các nước phát triển thống trị. Hay về mặt văn hóa, Lý thuyết phê phán còn cho rằng các nền

văn hóa cần phải được đối xử bình đẳng với nhau và cần lắng nghe nhau. Từ đó, họ cổ vũ cho chủ nghĩa đa văn hóa và liên văn hóa trong xây dựng xã hội và QHQT. Đi xa hơn, lý thuyết này còn đề nghị tiến hành đối thoại dân chủ trong QHQT. Ở đó, tất cả mọi người có thể nói về những vấn đề của mình. Một sự đối thoại dân chủ như vậy sẽ giúp chỉ ra những bất công xã hội và tìm ra chính sách hợp lý trên cơ sở đồng thuận.

Từ đó, nhiều học giả cho rằng cần phải quan tâm nhiều hơn đến các nước nhỏ trong QHQT (Xem thêm: Hoàng Khắc Nam - Lê Lêna, 2024), và rằng trong QHQT cũng cần có sự bình đẳng và dân chủ nhiều hơn trong quan hệ giữa nước lớn và nước nhỏ. Các nhận thức này bắt đầu được hình thành trong thực tiễn từ thập niên 1950 khi hàng loạt quốc gia giành được độc lập. Các nước này đã có sự phối hợp nhất định với nhau để nâng cao vai trò và vị thế của mình trong QHQT như Phong trào Không liên kết, G-77 và nhiều hình thức hợp tác khu vực khác. Nhận thức và thực tiễn này cũng khiến các nước lớn phải chấp nhận sự dân chủ nhiều hơn trong QHQT như nguyên tắc bình đẳng đã được quy định trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, như sự trợ giúp và các điều kiện ưu đãi hơn cho các nước đang phát triển.

Sự phổ biến dân chủ theo cả hai con đường như vậy đã tạo điều kiện cho dân chủ đang ngày càng hiện diện nhiều lên trong QHQT. Hiện nay, dân chủ trong QHQT vẫn còn khá hạn chế khi quyền lực vẫn đóng vai trò lớn. Nhưng ít nhất, dân chủ cũng đã trở thành giá trị cho dù quan niệm và cách hiểu đôi khi vẫn chưa thống nhất. Sự tồn tại dân chủ như giá trị dù ít hay nhiều cũng đã giúp các nước nhỏ được tôn trọng hơn, sự xâm phạm thô bạo lợi ích của các nước nhỏ như trước kia cũng được hạn chế hơn.

5. Sự quan tâm đến con người

Lý thuyết QHQT nào cũng có sự liên quan đến yếu tố con người, nhưng mức độ quan tâm khá khác nhau. Sự khác nhau này chủ yếu nằm trong quan điểm về vai trò của con người đối với QHQT. Khi vai trò con người càng được đề cao, sự quan tâm tới các giá trị nhân văn càng lớn. Nhìn lại quá trình phát triển của các lý thuyết QHQT, có thể thấy sự đánh giá vai trò của con người trong QHQT có xu hướng tăng dần theo thời gian.

Chủ nghĩa hiện thực là lý thuyết QHQT ra đời sớm nhất. Lý thuyết này cho rằng môi trường quốc tế và lợi ích cơ bản của quốc gia không thay đổi. Không thay đổi được hoàn cảnh đó, quốc gia chỉ có cách duy nhất là thích ứng. Với cách nhìn như vậy, đối với Chủ nghĩa hiện thực, con người có vai trò khá hạn chế trong môi trường tương quan với hoàn cảnh khách quan. Yếu tố thuộc về con người mà lý thuyết này đề cập đến chỉ là bản chất ích kỷ của con người và tính toán lý trí của các nhà lãnh đạo quốc gia. Trong đó, bản chất ích kỷ tự lợi của con người là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng cạnh tranh, xung đột tràn lan trong QHQT. Còn lý trí đơn thuần chỉ giúp quốc gia làm sao có lợi nhất trong hoàn cảnh khách quan. Sau này, các học giả của lý thuyết này còn bổ sung thêm ý chí như yếu tố có vai trò làm tăng tính hữu dụng của quyền lực.

Chủ nghĩa tự do ra đời muộn hơn và cũng có cách nhìn duy vật như Chủ nghĩa hiện thực. Tuy nhiên, lý thuyết này có sự nhìn nhận và đánh giá vai trò của con người cao hơn Chủ nghĩa hiện thực. Dù vẫn cho rằng con người không thể thay đổi hoàn cảnh khách quan nhưng vẫn có thể tác động nhất định để tiến trình vận động của lịch sử QHQT đi đến hòa bình thế giới nhanh và thuận lợi hơn. Từ đó, các học

giả của lý thuyết này đã đề ra nhiều cách thức để thúc đẩy hợp tác và xây dựng hòa bình như tự do dân chủ, phát triển kinh tế thị trường, thúc đẩy luật pháp quốc tế, xây dựng thể chế quốc tế,... Bên cạnh đó, Chủ nghĩa tự do cũng có cách hiểu rộng hơn về bản chất con người khi cho rằng con người không chỉ ích kỷ, tư lợi mà còn có thể hòa hợp về lợi ích để thúc đẩy hợp tác thay cho xung đột. Ngoài ra, tuy cùng ghi nhận về tính toán lý trí nhưng nếu Chủ nghĩa hiện thực chú trọng tới các nhà lãnh đạo thì Chủ nghĩa tự do có sự mở rộng hơn khi tính đến cả các nhóm xã hội và nhân dân nói chung.

Chủ nghĩa kiến tạo là lý thuyết ra đời muộn nhất nhưng cũng là lý thuyết đề cao vai trò của con người đối với QHQT. Với góc nhìn duy tâm chủ quan, lý thuyết này cho rằng hoàn cảnh khách quan phụ thuộc vào nhận thức của con người. Nhận thức khác nhau thì hoàn cảnh sẽ được nhìn nhận khác nhau. Nhận thức thay đổi thì hoàn cảnh cũng sẽ thay đổi theo. Cho nên, không thể mặc định hoàn cảnh khách quan là không thay đổi được như quan niệm của Chủ nghĩa hiện thực và Chủ nghĩa tự do. Theo Chủ nghĩa kiến tạo, các yếu tố chủ quan của con người không chỉ ảnh hưởng nhiều đến QHQT mà thậm chí còn có khả năng thay đổi hoàn cảnh khách quan. Các học giả của lý thuyết này đã chỉ ra hàng loạt yếu tố chủ quan có ảnh hưởng đến QHQT như bản sắc, chuẩn mực, tri thức, văn hóa,... Quá trình thay đổi của nhận thức và các yếu tố liên chủ quan (hay còn gọi là các yếu tố phi vật chất) này sẽ góp phần thay đổi QHQT. Ngoài ra, sự đề cao này còn được thể hiện ở việc các học giả Chủ nghĩa kiến tạo cho rằng các yếu tố tinh thần cũng là một nguồn bổ sung cho sức mạnh/quyền lực quốc gia.

Chia sẻ với Chủ nghĩa kiến tạo trong việc phê phán cách thức nghiên cứu theo

kiểu duy vật của Chủ nghĩa hiện thực và Chủ nghĩa tự do, *Lý thuyết phê phán* mới là lý thuyết đánh giá cao nhất vai trò của con người đối với QHQT. Lý thuyết này cho rằng con người và tính chủ quan của nó cũng có tính khách quan và là một phần của thực tiễn khách quan. Các yếu tố này đều ảnh hưởng nhiều đến QHQT và thậm chí có thể làm thay đổi xã hội và QHQT. Trong số đó, Lý thuyết phê phán nhấn mạnh đến khát vọng tự do, tư tưởng, tri thức, đạo đức và văn hóa. Lý thuyết phê phán có xu hướng coi con người với nhiều hình thức tập hợp khác nhau là chủ thể trung tâm trong QHQT. Con người với ý chí tự do của mình và khả năng vượt khỏi sự trói buộc của hoàn cảnh khách quan chính là lực lượng chủ yếu đưa QHQT thay đổi theo mong muốn của con người.

Rõ ràng, trong các lý thuyết QHQT, vai trò của con người đối với QHQT đã ngày càng được nhận thức nhiều hơn. Ngoài các lý thuyết kể trên, sự nhận thức tăng lên về vai trò con người còn được phản ánh ở *một số lý thuyết khác*. Chủ nghĩa nữ quyền phê phán việc nghiên cứu QHQT là phi cá nhân và đề nghị cần phải nghiên cứu yếu tố giới. Chủ nghĩa toàn cầu cho rằng con người cao hơn quốc gia và quốc gia chỉ là thứ nguyên của con người. Từ đó, lý thuyết này cho rằng con người đã lập ra quốc gia, nhưng đến lúc nào đó mô hình quốc gia không còn phù hợp nữa thì chính con người sẽ từ bỏ quốc gia và xây dựng thế giới đại đồng.

Sự phát triển nhận thức về các yếu tố liên chủ quan thuộc về con người cũng đã tác động đến sự mở rộng quan niệm về an ninh như một ví dụ điển hình. Nếu Chủ nghĩa hiện thực chỉ chủ yếu quan tâm đến an ninh quốc gia dưới góc độ quân sự thì Chủ nghĩa tự do đã có sự mở rộng hơn đến các vấn đề an ninh phi truyền thống. Còn Chủ nghĩa kiến tạo và Lý thuyết phê phán

thì mở rộng hơn nữa đến an ninh con người với nhiều phương diện khác nhau.

Xu hướng này được sự ủng hộ của thực tiễn khi dân trí tăng lên, khi sự tham gia của các nhóm xã hội vào hoạch định chính sách và hoạt động đối ngoại cũng nhiều lên. Sự quan tâm tới con người và các yếu tố liên chủ quan cũng tăng lên trong thực tiễn QHQT. Cùng với đó, các giá trị nhân văn cũng hiện diện ngày càng nhiều hơn trong đời sống quốc gia và quốc tế. Đó là sự nổi lên của các vấn đề nhân quyền, đạo đức quốc tế, trách nhiệm quốc tế và hỗ trợ nhân đạo trong QHQT. Đó là sự phát triển của ngoại giao công chúng và nền ngoại giao vì nhân dân.

6. Kết luận

Như vậy, có không ít giá trị tiến bộ đã xuất hiện trong các lý thuyết QHQT trong lịch sử bất chấp điều kiện không khả thi khi đó. Từ những ý tưởng ban đầu, các giá trị này dần được trang bị về mặt lý luận khoa học. Và khi có điều kiện thuận lợi, chúng bắt đầu được phổ biến vào cuộc sống và tiếp tục hoàn thiện cùng với sự vận động của lịch sử. Động lực hình thành và phổ biến các giá trị này trong lý thuyết xuất phát từ những yêu cầu của thực tiễn để hướng tới cải tạo thực tiễn và xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, vì con người nhiều hơn. Cơ sở khoa học và nhu cầu cuộc sống chính là hai bệ đỡ cho các giá trị này trong thực tiễn QHQT.

Với hai bệ đỡ trên, các giá trị trong các lý thuyết QHQT đã tồn tại bất chấp thăng trầm lịch sử. Đến thời hiện đại, trước những thực tiễn mới, các giá trị này ngày càng được quan tâm nghiên cứu nhiều hơn trong lý thuyết và bắt đầu hiện diện trong thực tiễn QHQT. Hiện nay, các giá trị này

đã hiện diện ngày càng sâu rộng trong đời sống quốc gia và quốc tế. Tính chất tiến bộ của chúng được thể hiện rõ nhất trong quan hệ giữa nước lớn với nước nhỏ. Đây là một trong những thay đổi lớn của QHQT thời hiện đại so với các thời kỳ lịch sử trước đó. Với tính chất tiến bộ, trong chừng mực nào đó, đây chính là một sự phát triển của thế giới.

Tuy nhiên, sự vận động của các giá trị trong thời gian tới vẫn sẽ không dễ dàng. Tính phổ quát và sự hiệu lực của chúng vẫn còn bị hạn chế. Nguyên nhân chính là do quyền lực và lợi ích vẫn chi phối QHQT. Sự tranh luận về mặt học thuật vẫn sẽ tiếp tục. Ngoài ra, do các giá trị này chủ yếu xuất phát từ phương Tây trong khi thế giới lại đa dạng nên sự áp dụng các giá trị này không phải là phù hợp trong mọi trường hợp.

Mặc dù vậy, tính chất tiến bộ của những giá trị đó cũng góp phần đem lại niềm tin về sự tiếp tục của chúng trong tương lai □

Tài liệu tham khảo

1. Kant, Immanuel (2003), *To perpetual peace: A philosophical sketch*, Hakett Publishing.
2. Hoàng Khắc Nam (2007a), “Nguyên nhân chiến tranh - Các cấp độ phân tích”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 4 (132), tr. 3-16.
3. Hoàng Khắc Nam (2007b), “Nguyên nhân chiến tranh - Các cấp độ phân tích”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 5 (133), tr. 24-30.
4. Hoàng Khắc Nam - Lê Lêna (2024), “Phân định nước nhỏ trong thực tiễn biến đổi của quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1051 (12-2024), tr. 96-103.